

Thứ sáu, ngày 18 tháng 6 năm 2021

Vietnam Daily Review

Thiết lập mức đỉnh lịch sử mới

Dự đoán xu hướng thị trường	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/6/2021		•	
Tuần 21/6-25/6/2021		•	
Tháng 6/2021		•	

Nhận định:
Thị trường cơ sở: VNIndex tăng dần từ đầu phiên sáng tới cuối phiên chiều và hiện đã thiết lập mức đỉnh lịch sử mới. Dòng tiền đầu tư tiếp tục gia tăng với 15/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực với thanh khoản không chênh lệch nhiều so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể sẽ duy trì đà tăng và vận động trong khu vực 1350-1390 vào tuần sau.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 18/6/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: PLP_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

- Điểm nhấn**
- VN-Index **+17.85** điểm, đóng cửa **1377.77**. HNX-Index **+1.66** điểm, đóng cửa **318.73**.
 - Kéo chỉ số tăng: **VCB (+4.37)**; **VHM (+1.5)**; **MSN (+1.13)**; **SAB (+0.9)**; **HPG (+0.83)**.
 - Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.6)**; **VRE (-0.32)**; **LGC (-0.12)**; **BVH (-0.1)**; **PDR (-0.09)**.
 - Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,914 tỷ đồng**, **-4.5%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 23,734 tỷ đồng.
 - Biên độ dao động là 14.25 điểm. Thị trường có **249** mã tăng, 54 mã tham chiếu và **138** mã giảm.
 - Giá trị mua ròng của khối ngoại: **645.95** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **PDR (239.1 tỷ)**, **HSG (209 tỷ)** và **APH (158.6 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-31.86** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1377.77**
Giá trị: 20914.69 tỷ **17.85 (1.31%)**
Khối ngoại (ròng): 645.95 tỷ

HNX-INDEX **318.73**
Giá trị: 3515.2 tỷ **1.66 (0.52%)**
Khối ngoại (ròng): -31.86 tỷ

UPCOM-INDEX **90.22**
Giá trị: 1754.2 tỷ **0.67 (0.75%)**
Khối ngoại (ròng): -18.96 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	70.8	-0.35%
Giá vàng	1,792	1.01%
Tỷ giá USD/VND	23,010	0.20%
Tỷ giá EUR/VND	27,426	0.34%
Tỷ giá JPY/VND	20,898	0.32%
LS liên NH 1 tháng	1.5%	8.09%
LS TPCP 5 năm	1.1%	2.25%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PDR	239.1	MBB	98.4
HSG	209.0	NVL	93.9
APH	158.6	CTG	93.0
VCB	131.5	DXG	59.3
STB	128.3	SSI	45.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 18/6

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	70.93	-0.15%	0.03%	8.29%	73.89%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	73.00	-0.11%	0.43%	9.72%	69.93%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	213.33	-0.04%	-2.42%	-1.03%	64.96%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1777.04	0.20%	-5.35%	-4.95%	-0.22%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.13	0.85%	-6.42%	-5.81%	43.49%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1263.00	0.82%	-12.22%	-9.75%	43.97%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	645.75	0.43%	-5.83%	-7.62%	24.42%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.29	0.23%	0.52%	-8.62%	6.40%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	210.39	-1.45%	-3.04%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.71	-2.85%	-5.75%	-2.39%	39.72%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	151.60	-2.48%	-5.72%	2.61%	42.41%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9315.50	-3.64%	-5.81%	-10.19%	60.47%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	788.10	0.57%	-1.78%	-9.91%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	838.81	1.88%	-1.42%	-9.97%			
Nhôm	USD/ton	2400.00	-2.81%	-3.07%	-3.96%	49.39%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	193.30	3.44%	4.96%	0.78%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	115.30	1.27%	0.30%	20.92%	76.98%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu giảm gần 2% từ mức cao nhất nhiều năm do đồng USD tăng mạnh sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ cho biết có thể tăng lãi suất sớm nhất vào năm 2023.
- Chốt phiên giao dịch ngày 17/6, dầu thô Brent giảm 1,31 USD tương đương 1,8% xuống 73,08 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI giảm 1,11 USD tương đương 1,5% xuống 71,04 USD/thùng. Trong phiên trước đó, giá dầu Brent đạt mức cao nhất kể từ tháng 4/2019 và dầu WTI đạt mức cao nhất kể từ tháng 10/2018. Tuy nhiên, tính từ đầu năm đến nay cả hai loại dầu đã tăng hơn 40%.

Giá vàng

- Giá vàng giảm hơn 2%, đồng thời xuất hiện tình trạng bán tháo kim loại quý khi paladi có phiên giảm mạnh nhất hơn 1 năm. Nguyên nhân đến từ việc đồng USD tăng sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đưa ra chiến lược tiền tệ.
- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 2% xuống 1.776,1 USD/ounce, trước đó trong phiên chạm mức thấp nhất kể từ ngày 3/5/2021 (1.766,29 USD/ounce) và vàng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn New York giảm 4,7% xuống 1.774,8 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá nguyên liệu sản xuất thép tại Trung Quốc tăng, được thúc đẩy bởi sản lượng thép thô hàng tháng đạt mức cao kỷ lục và nhu cầu tăng mạnh.
- Trên sàn Đại Liên, giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 tăng 1% lên 1.224 CNY (190,31 USD)/tấn. Giá than luyện cốc tăng 2,3% lên 2.010 CNY/tấn và giá than cốc tăng 1,6% lên 2.754 CNY/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su tại Nhật Bản tăng trong phiên giao dịch trầm lắng, do đồng JPY suy yếu so với đồng USD. Tuy nhiên, mối lo ngại động thái ổn định giá hàng hóa của Trung Quốc và nguồn cung gia tăng sau mùa đông đã hạn chế đà tăng giá.
- Giá cao su kỳ hạn tháng 11/2021 trên sàn Osaka tăng 0,3 JPY lên 235,5 JPY (2,1 USD)/kg.

Giá nông sản

- Giá cà phê robusta xuất khẩu của Việt Nam (loại 2, 5% đen & vỡ) có mức trừ lùi 30 USD/tấn so với hợp đồng kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn London và 20-30 USD/tấn 1 tuần trước đó. Tại thị trường nội địa, cà phê nhân xô được bán với giá 34.500-35.600 VND (1,5-1,55 USD)/kg, tăng so với mức giá 33.500-35.000 VND/kg cách đây 1 tuần.
- Giá đường thô chạm mức thấp nhất gần 2 tháng, do đồng USD tăng, thị trường chứng khoán và thị trường hàng hóa khác giảm, sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ cho biết có thể tăng lãi suất sớm hơn so với dự kiến.
- Giá gạo xuất khẩu tại Ấn Độ giảm xuống mức thấp nhất kể từ giữa tháng 5/2021 do đồng rupee giảm, song chi phí vận chuyển tăng cao đã hạn chế đà suy giảm.

	18/6	% 18/6	17/6	% 17/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1377.77	1.31%	1359.92	0.25%	1.93%	9.13%
S&P 500			4221.86	-0.04%	-0.41%	1.41%
HĐTL S&P500	4211.50	-0.02%	4212.20	-0.02%	-0.59%	2.39%
Shang- hai	3525.10	-0.01%	3525.60	0.21%	-2.38%	-0.11%
Euro Stoxx	4151.46	-0.16%	4158.14	0.15%	0.60%	5.45%

Phân tích kỹ thuật
PLP_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng

Nhận định: PLP đang hình thành nhịp hồi phục sau khi tích lũy ngắn hạn tại quanh ngưỡng 9.5. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên trong phiên giao dịch gần nhất, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng hồi phục ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu cũng đang tiến tới dải mây Ichimoku cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn sắp hình thành. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 10.25 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng giá 12.5. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 9.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

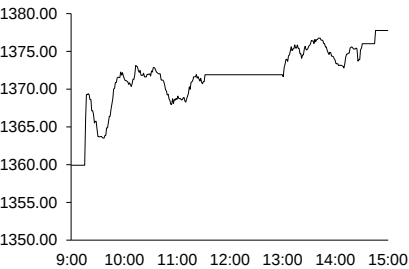
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	4.67%
Bảo hiểm	1.81%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.78%
Dầu khí	1.60%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.51%
Xây dựng và Vật liệu	1.32%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.25%
Bán lẻ	1.17%
Dịch vụ tài chính	0.98%
Y tế	0.77%
Ô tô và phụ tùng	0.62%
Truyền thông	0.59%
Ngân hàng	0.36%
Tài nguyên Cơ bản	-0.40%
Thực phẩm và đồ uống	-0.49%
Công nghệ Thông tin	-0.49%
Du lịch và Giải trí	-0.57%
Bất động sản	-0.69%
Viễn thông	-6.72%

Hình 1

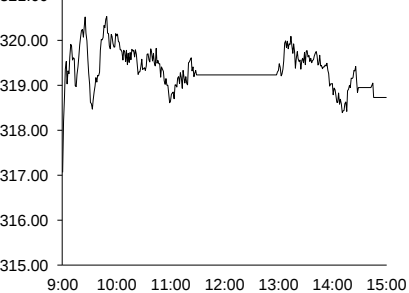
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

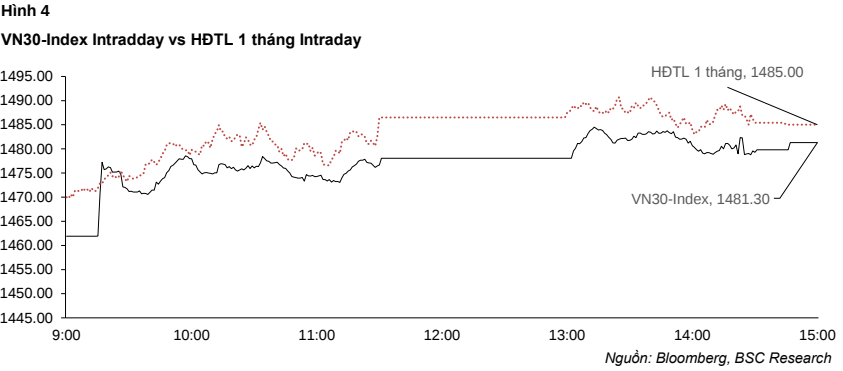
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/17/2021	HBC	16.4	18.5	15.3	16.3	1	-0.61%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2021	GEG	17.2	19.5	16	17.35	2	0.87%	Có thể tiếp tục mua
6/15/2021	BMP	60.5	67	58.5	60.9	3	0.66%	Có thể tiếp tục mua
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	28.6	4	5.54%	Có thể tiếp tục mua
6/11/2021	BVH	57.3	63.5	54.5	61	7	6.46%	Có thể tiếp tục mua
6/10/2021	ASM	14.2	16	12.75	14.35	8	1.06%	Có thể tiếp tục mua
6/9/2021	LCG	13.1	14.5	12.25	14.15	9	8.02%	Có thể tiếp tục mua
6/4/2021	KBC	35.5	43	32	38.5	14	8.45%	Có thể tiếp tục mua
6/3/2021	KSB	28.85	32.5	27	30.6	15	6.07%	Có thể tiếp tục mua
6/2/2021	CEO	10.4	12.5	9.5	10.8	16	3.85%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	28.3	18	2.54%	Có thể tiếp tục mua
5/28/2021	IDC	37.4	41.5	35.5	38.9	21	4.01%	Có thể tiếp tục mua
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	59.7	29	2.23%	Có thể tiếp tục mua
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	35.9	51	1.13%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/8/2021	SBT	21.2	23.5	20	TP	10	10.85%
6/7/2021	D2D	54.3	60	52	SL	3	-4.24%
6/1/2021	PLC	26.8	29.5	25.8	TP	6	10.07%
5/27/2021	LAS	11.4	13	10.4	TP	22	14.04%
5/26/2021	FMC	33.45	37	32.15	SL	7	-3.89%
5/25/2021	CTS	17.25	20	16.5	TP	7	15.94%
5/24/2021	VTP	90.8	100	86.3	TP	15	10.13%
5/21/2021	DXG	24.35	29	22.5	TP	13	19.10%
5/19/2021	DRC	25.83	31.37	24.72	TP	30	21.45%
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	TP	17	12.45%
5/17/2021	VSC	51	57	48	TP	25	11.76%
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	TP	6	11.30%
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	TP	25	23.64%
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	TP	19	25.00%
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	13	1	3.91%	-0.61%	3.59%	14
Cổ phiếu đã chốt	157	86	13.71%	-8.12%	5.98%	27

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2107	1485.00	1.23%	3.70	763.2%	211,415	7/15/2021	27
VN30F2108	1483.50		2.20		403	8/19/2021	62
VN30F2109	1479.00	0.96%	-2.30	6.5%	114	9/16/2021	90
VN30F2112	1470.30	0.46%	-11.00	-8.2%	56	12/16/2021	181

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +19.39 điểm lên 1481.30 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VCB, VHM, MSN, HPG tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng tích cực đầu phiên sáng, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch còn lại giằng co quanh 1470-1480 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2112, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2112, các hợp đồng đều giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CKDH2102	8/13/2021	56	2:1	163,400	32.49%	2,800	6,100	5.17%	3,302	1.85	33,364	28,273	37,350
CHPG2103	7/6/2021	18	2:1	48,000	36.23%	3,900	14,530	4.16%	5,101	2.85	36,614	30,879	52,100
CFPT2016	6/22/2021	4	5:1	373,900	30.41%	2,580	9,320	3.56%	6,765	1.38	54,137	43,034	83,800
CHPG2102	7/5/2021	17	1:1	52,800	36.23%	6,600	30,000	3.45%	11,192	2.68	34,996	30,144	52,100
CHPG2107	8/12/2021	55	5:1	390,700	36.23%	1,300	5,620	2.93%	163	34.52	48,463	43,684	52,100
CHPG2105	8/9/2021	52	2:1	82,300	36.23%	3,000	16,850	2.49%	5,261	3.20	48,000	42,000	52,100
CHPG2108	8/12/2021	55	5:1	285,800	36.23%	1,200	5,500	2.42%	160	34.41	48,124	43,713	52,100
CVHM2102	7/6/2021	18	10:1	420,400	31.89%	1,900	2,560	2.40%	2,570	1.00	106,000	87,000	112,500
CVHM2104	8/9/2021	52	10:1	333,800	31.89%	1,600	3,150	1.94%	1,586	1.99	114,000	98,000	112,500
CTCB2012	7/30/2021	42	1:1	49,900	37.57%	5,400	29,450	1.55%	29,120	1.01	27,400	22,000	51,000
CHPG2106	8/27/2021	70	2:1	52,200	36.23%	4,100	13,700	1.48%	2,267	6.04	42,937	36,908	52,100
CMWG2013	6/30/2021	12	2:1	29,500	28.73%	12,000	25,000	0.85%	22,575	1.11	118,339	94,672	141,000
CTCB2103	8/9/2021	52	2:1	100,300	37.57%	2,900	9,450	0.53%	7,874	1.20	41,300	35,500	51,000
CMBB2101	7/6/2021	18	2:1	290,600	36.48%	1,600	7,200	0.00%	7,305	0.99	29,200	26,000	40,550
CVPB2103	8/9/2021	52	2:1	118,100	37.30%	2,700	15,350	0.00%	15,123	1.02	41,900	36,500	66,500
CREE2101	7/6/2021	18	4:1	413,600	30.47%	2,300	2,800	0.00%	2,953	0.95	57,200	48,000	59,700
CTCB2102	7/6/2021	18	2:1	100,000	37.57%	2,300	7,740	0.00%	7,542	1.03	40,600	36,000	51,000
CPDR2102	9/27/2021	101	5:1	194,400	37.54%	1,100	5,120	-0.58%	1,882	2.72	94,499	88,999	92,100
CSTB2103	8/9/2021	52	2:1	95,900	45.25%	1,400	7,520	-2.34%	5,887	1.28	20,800	18,000	29,650
CPDR2101	9/27/2021	101	5:1	330,000	37.54%	1,100	4,510	-2.59%	1,625	2.77	94,388	88,888	92,100
Tổng				3,762,200	35.56%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 18/6/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.
- CTCH2103 và CTCH2003 giảm mạnh lần lượt là 10.97% và 9.80%. Giá trị giao dịch tăng 15.66%. CFPT2016 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.66% thị trường.
- CREE2101, CMBB2101, CVPB2101, CTCB2012, và CVPB2015 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CVPB2015, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	141.0	1.4%	0.9	2,915	2.4	9,051	15.6	3.9	49.0%	27.2%	
PNJ	Bán lẻ	98.0	2.6%	1.0	969	1.4	4,974	19.7	3.9	49.0%	21.0%	
BVH	Bảo hiểm	61.0	-1.6%	1.4	1,969	3.7	2,548	23.9	2.2	27.2%	9.5%	
PVI	Bảo hiểm	41.8	-1.6%	0.5	406	0.1	3,809	11.0	1.3	54.9%	12.2%	
VIC	Bất động sản	117.4	0.3%	0.7	17,265	9.1	2,174	54.0	4.9	14.1%	9.0%	
VRE	Bất động sản	32.5	-1.1%	1.1	3,211	5.8	1,175	27.7	2.5	30.6%	9.3%	
VHM	Bất động sản	112.5	3.2%	1.0	16,090	22.9	7,874	14.3	4.1	22.7%	33.6%	
DXG	Bất động sản	24.2	0.0%	1.3	544	9.3	(61)		1.9	26.1%	-0.5%	
SSI	Chứng khoán	50.5	0.0%	1.5	1,435	17.2	2,776	18.2	2.9	47.7%	16.2%	
VCI	Chứng khoán	52.5	6.8%	1.0	760	4.9	2,851	18.4	3.5	22.4%	22.1%	
HCM	Chứng khoán	44.6	0.3%	1.6	592	8.4	2,462	18.1	2.9	48.1%	16.4%	
FPT	Công nghệ	83.8	1.5%	0.9	3,306	6.1	4,103	20.4	4.5	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	88.9	-1.1%	0.4	1,058	0.1	5,165	17.2	5.2	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	92.7	-1.3%	1.4	7,714	3.0	3,946	23.5	3.5	2.5%	14.9%	
PLX	Dầu khí	56.5	-0.4%	1.5	3,055	5.7	2,915	19.4	3.0	17.3%	16.8%	
PVS	Dầu khí	29.9	-0.3%	1.7	621	16.0	1,375	21.7	1.2	8.0%	5.4%	
BSR	Dầu khí	21.0	-1.4%	0.8	2,831	15.7	(909)	N/A	N/A	2.1	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	95.9	0.9%	0.3	545	0.1	5,647	17.0	3.3	54.6%	20.2%	
DPM	Hóa chất	22.8	5.3%	0.7	388	5.2	1,928	11.8	1.1	14.8%	9.4%	
DCM	Hóa chất	20.3	0.5%	0.6	467	5.4	1,122	18.1	1.7	2.3%	9.4%	
VCB	Ngân hàng	108.5	4.1%	1.1	17,496	15.0	5,709	19.0	4.0	23.3%	22.8%	
BID	Ngân hàng	46.2	0.5%	1.3	8,070	6.4	2,048	22.5	2.3	16.6%	10.6%	
CTG	Ngân hàng	51.2	1.4%	1.3	8,289	29.7	4,765	10.7	2.1	25.3%	20.9%	
VPB	Ngân hàng	66.5	0.8%	1.2	7,097	42.9	4,626	14.4	2.9	15.4%	22.5%	
MBB	Ngân hàng	40.6	1.6%	1.2	4,934	46.1	3,612	11.2	2.2	21.6%	21.6%	
ACB	Ngân hàng	35.0	0.3%	1.0	4,112	14.1	3,194	11.0	2.5	30.0%	25.6%	
BMP	Nhựa	60.9	-0.8%	0.7	217	0.3	6,160	9.9	2.1	82.7%	20.3%	
NTP	Nhựa	53.9	4.7%	0.5	276	0.2	3,988	13.5	2.3	19.4%	17.8%	
MSR	Tài nguyên	21.6	0.9%	0.7	1,032	0.9	39	553.8	1.7	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	52.1	1.4%	1.1	10,132	65.8	4,056	12.8	3.5	26.1%	31.3%	
HSG	Thép	43.0	2.9%	1.4	914	35.7	4,914	8.8	2.6	8.8%	35.0%	
VNM	Tiêu dùng	92.1	1.2%	0.7	8,369	11.9	4,682	19.7	6.1	54.8%	31.9%	
SAB	Tiêu dùng	171.2	3.1%	0.8	4,773	1.2	7,561	22.6	5.5	62.9%	26.7%	
MSN	Tiêu dùng	106.5	3.4%	0.9	5,466	6.9	1,281	83.1	7.7	32.4%	5.1%	
SBT	Tiêu dùng	22.8	1.1%	1.2	612	7.1	1,131	20.2	1.8	8.8%	8.7%	
ACV	Vận tải	71.5	0.1%	0.8	6,767	0.2	577	123.9	4.1	3.5%	3.4%	
VJC	Vận tải	116.0	-0.4%	1.1	2,732	1.8	2,256		4.2	18.3%	8.3%	
HVN	Vận tải	27.1	0.7%	1.7	1,671	1.3	(9,327)		26.7	9.2%	-155.4%	
GMD	Vận tải	43.9	-0.2%	1.0	575	3.9	1,246	35.2	2.2	41.0%	6.2%	
PVT	Vận tải	20.9	-1.7%	1.3	293	4.5	2,281	9.1	1.3	12.5%	15.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	107.5	-0.1%	1.0	748	0.6	8,479	12.7	4.1	3.9%	39.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	30.5	4.5%	0.4	595	2.3	1,604	19.0	2.1	6.0%	10.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.8	0.0%	0.9	279	0.7	1,566	10.7	1.2	2.8%	11.0%	
CTD	Xây dựng	62.5	0.0%	1.0	202	0.7	3,352	18.6	0.6	44.0%	3.0%	
CII	Xây dựng	19.3	1.0%	0.5	200	3.4	56	346.9	1.0	23.6%	0.2%	
REE	Điện	59.7	-0.5%	-1.4	802	3.1	5,770	10.3	1.6	49.0%	16.3%	
PC1	Điện	28.3	0.4%	-0.4	235	1.2	2,371	11.9	1.3	10.7%	13.2%	
POW	Điện	12.3	-0.8%	0.6	1,252	5.1	1,037	11.9	1.0	3.1%	8.6%	
NT2	Điện	21.0	1.2%	0.5	262	0.5	1,872	11.2	1.5	14.9%	12.8%	
KBC	Khu công nghiệp	38.5	-1.2%	1.0	786	20.8	1,639	23.5	1.8	19.7%	7.8%	
BCM	Khu công nghiệp	55.0	0%	0.9	2,475	0.1			3.5	2.0%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	108.50	4.13	4.38	3.23MLN
VHM	112.50	3.21	3.22	4.79MLN
MSN	106.50	3.40	1.13	1.51MLN
SAB	171.20	3.13	0.92	163800
TCB	51.00	1.59	0.77	9.96MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-0.63	753100	1.11MLN
VRE	0.00	-0.22	4.12MLN	607060
BVH	0.00	-0.20	1.36MLN	373600
LGC	0.00	-0.13	500	192700
PSH	-0.01	-0.07	366800	611640

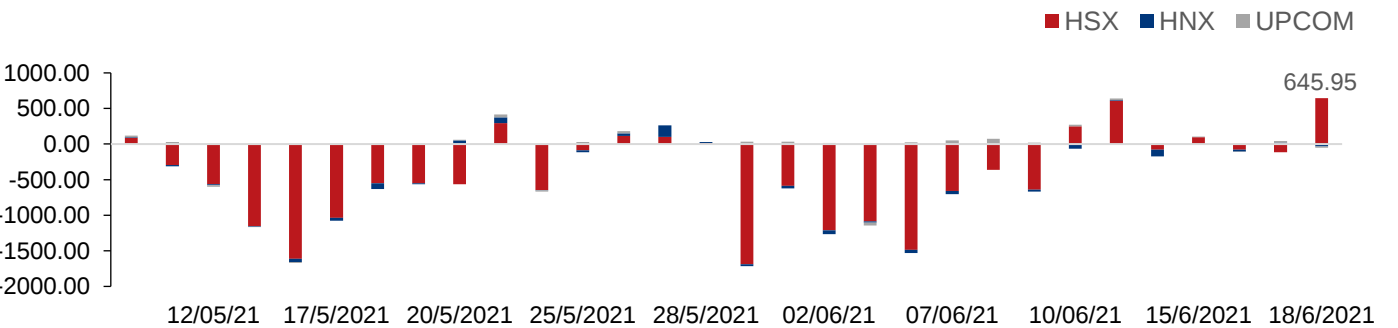
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SFG	9.51	6.97	0.01	88300.00
SJS	61.40	6.97	0.13	713300
NTL	26.90	6.96	0.03	2.46MLN
HRC	63.10	6.95	0.03	100
VOS	6.01	6.94	0.02	2.81MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PSH	28.85	-6.94	-0.07	366800
TSC	12.75	-6.93	-0.04	7.01MLN
TDW	32.60	-6.86	-0.01	900.00
TCO	13.05	-6.79	-0.01	2000
VMD	29.30	-6.69	-0.01	22300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	35.0	3,194	11.0	2.5	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	71.5	577	123.9	4.1	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.2	600	18.7	1.0	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.8	-363		1.0	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	30.2	3,834	7.9	1.3	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	51.2	4,765	10.7	2.1	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	20.3	1122.1	18.1	1.7	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	81.6	5,505	14.8	3.4	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	128.9	7,653	16.8	4.4	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	22.8	1,928	11.8	1.1	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	30.3	2,379	12.7	2.1	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	24.2	-61		1.9	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	83.8	4,103	20.4	4.5	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	34.5	1,091	31.6	2.9	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	43.8	7,082	6.2	2.0	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	52.1	4,056	12.8	3.5	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	43.0	4,914	8.8	2.6	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.8	1,566	10.7	1.2	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.5	-1,032		0.8	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	38.5	1,639	23.5	1.8	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	37.4	1,946	19.2	2.8	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	29.6			2.1	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	41.0	3,258	12.6	1.6	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	62.6	5,257	11.9	2.1	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	106.5	1,281	83.1	7.7	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	141.0	9,051	15.6	3.9	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	39.9	4,008	10.0	1.7	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	27.7	2,120	13.1	1.7	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	98.0	4,974	19.7	3.9	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.3	1,037	11.9	1.0	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	23.2	0	150.9	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	29.9	1,375	21.7	1.2	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	171.2	7,561	22.6	5.5	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	22.8	1,131	20.2	1.8	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	38.9	8272.5	4.7	1.4	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	51.0	4,074	12.5	2.3	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	108.5	5,709	19.0	4.0	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	47.3	4,166	11.4	2.5	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	20.1	570	35.3	1.6	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	47.1	3,837	12.3	1.6	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	112.5	7,874	14.3	4.1	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	92.1	4,682	19.7	6.1	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	66.5	4,626	14.4	2.9	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	32.5	1,175	27.7	2.5	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	83.0	3,256	25.5	7.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2021Q2	25/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 47000 ; Giá tại Publish 39400 Định giá: Chúng tôi nâng khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHC với giá mục tiêu mới là 47,000 VND (+19.3% so với mức giá ngày 24/05/2021), cao hơn 20% so với giá mục tiêu cũ sau khi (i) kỳ vọng hoạt động kinh doanh hồi phục từ mức nền thấp (ii) tăng mức P/E mục tiêu từ 6.5 lên 9.
VGT 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 19040; Giá tại Publish 16800 Dự báo KQKD: BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VGT năm 2021 lần lượt đạt 15,900 tỷ (+13.8% YoY) và 436 tỷ (+33.0% YoY) Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp đầu ngành dệt may với quỹ đất sử dụng lớn tại các trung tâm thành phố, (2) Triển vọng hoạt động kinh doanh phục hồi từ đáy khủng hoảng.
NLG 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 44600 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 6,557 tỷ đồng (+190.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,206 tỷ đồng (+44% YoY). EPS FW 2021 = 4,228 đồng. PE FW 2021 = 8.7 lần.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639